

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Văn Tám;

2. Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Ấp A T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Ấp A T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T cầu giải quyết vắng mặt, ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên bà và ông Trần Ngọc T1 đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức đám cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy CNKH số 60 ngày 01/11/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đầm ấm nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được.

Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc T1. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D, sinh ngày 07/01/2020 và Trần Đăng K, sinh ngày 04/11/2023. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 con. Tại phiên hòa giải ngày 02/6/2025 bà T thay đổi yêu cầu, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Bị đơn ông Trần Ngọc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, và tình trạng hôn nhân đúng như bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn và cãi vã và ít quan tâm nhau trong thời gian dài nhưng hiện nay tôi còn thương vợ, thương con và hứa sẽ khắc phục những tật xấu của mình để cùng lo cho các con. Tuy nhiên, tôi thuyết phục vợ nhiều lần nhưng vợ vẫn kiên quyết ly hôn nên tôi đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D, sinh ngày 07/01/2020 và Trần Đăng K, sinh ngày 04/11/2023. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Mỹ D, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đăng K. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc T1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

[2] Bà Nguyễn Thị Diễm T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Trần Ngọc T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 60 ngày 01/11/2019, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình sống chung, bà T cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được, vợ chồng sống không hạnh phúc, bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1. Ông Trần Ngọc T1 cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và ông nhiều lần hàn gắn nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và

gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với ông Trần Ngọc T1.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D, sinh ngày 07/01/2020 và Trần Đăng K, sinh ngày 04/11/2023. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Mỹ D, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đăng K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các con chung vẫn sống chung với bà T từ khi hai người ly thân đến nay vẫn phát triển ổn định. Ông T1 yêu cầu mỗi người được nuôi một con chung nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không đưa ra được chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Hơn nữa, ông T1 đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 26/QĐ-TA ngày 31/3/2025 nên không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, cần giao các con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T đối với bị đơn ông Trần Ngọc T1.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với ông Trần Ngọc T1.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D, sinh ngày 07/01/2020 và Trần Đăng K, sinh ngày 04/11/2023. Khi ly hôn, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Ông Trần Ngọc T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số số 0007832 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Diễm T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây ninh;
- UBND xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (GCNKH số số 60 ngày 01/11/2019);
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Miên